

AirV



Model: V-13-87x303x600-10/00
V-13: Lọc V, Cấp lọc H13 theo EN1822
87x303x600: Kích thước WxLxD mm
10/00: Gioăng mặt gió vào / không lưới
Mã MGT: VS13GRIN0PG-87x303x600

ỨNG DỤNG

- Bộ lọc Absolute EPA-HEPA
- Hệ thống thông gió phòng sạch
- Sử dụng trong ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện, công nghiệp thiết bị y tế

Bộ lọc Absolute V-SINGLE

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Mặt gió vào: Cửa vào ngăn

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: II-III

Hiệu suất ISO 16890/ EN 1822:

F8 (ePM₁ ≥ 75%), F9 (ePM₁ ≥ 85%)

E11 (≥ 95%), H13 (≥ 99.95%)

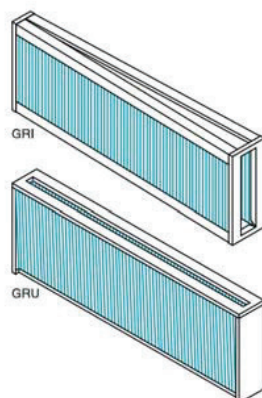
Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 779:2012 / EN 1822	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
V-F8-87x202x600-10/00	909001M	VS08GRIN0PG	87x202x600	F8	3.2	200	100	1.8
V-F8-65x202x600-10/00	909002M	VS08GRIN0PG	65x202x600	F8	3.2	200	60	1.8
V-F8-87x303x600-10/00	909003M	VS08GRIN0PG	87x303x600	F8	5	300	105	2
V-F8-87x202x400-10/00	909004M	VS08GRIN0PG	87x202x400	F8	2.2	135	100	2
V-F9-87x202x600-10/00	909005M	VS09GRIN0PG	87x202x600	F9	3.2	200	125	1.8
V-F9-65x202x600-10/00	909006M	VS09GRIN0PG	65x202x600	F9	3.2	200	85	1.8
V-F9-87x303x600-10/00	909007M	VS09GRIN0PG	87x303x600	F9	5	300	130	2
V-F9-87x202x400-10/00	909008M	VS09GRIN0PG	87x202x400	F9	2.2	135	125	2
V-E11-87x202x600-10/00	909009M	VS11GRIN0PG	87x202x600	E11	3.2	200	160	1.8
V-E11-65x202x600-10/00	909010M	VS11GRIN0PG	65x202x600	E11	3.2	200	130	1.8
V-E11-87x303x600-10/00	909011M	VS11GRIN0PG	87x303x600	E11	5	300	170	2
V-E11-87x202x400-10/00	909012M	VS11GRIN0PG	87x202x400	E11	2.2	135	160	2
V-H13-87x202x600-10/00	909013M	VS13GRIN0PG	87x202x600	H13	3.2	200	200	1.8
V-H13-65x202x600-10/00	909014M	VS13GRIN0PG	65x202x600	H13	3.2	200	170	1.8
V-H13-87x303x600-10/00	909015M	VS13GRIN0PG	87x303x600	H13	5	300	210	2



MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 779:2012 /EN 1822	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
V-F8-600x87x202-10/00	909051M	VS08GRUN0PG	600x87x202	F8	3.2	225	100	1.8
V-F8-600x65x202-10/00	909052M	VS08GRUN0PG	600x65x202	F8	3.2	225	60	1.8
V-F8-600x87x303-10/00	909053M	VS08GRUN0PG	600x87x303	F8	5	340	105	2
V-F8-400x87x303-10/00	909054M	VS08GRUN0PG	400x87x303	F8	2.2	150	100	2
V-F9-600x87x202-10/00	909055M	VS09GRUN0PG	600x87x202	F9	3.2	225	125	1.8
V-F9-600x65x202-10/00	909056M	VS09GRUN0PG	600x65x202	F9	3.2	225	85	1.8
V-F9-600x87x303-10/00	909057M	VS09GRUN0PG	600x87x303	F9	5	340	130	2
V-F9-400x87x303-10/00	909058M	VS09GRUN0PG	400x87x303	F9	2.2	150	125	2
V-E11-600x87x202-10/00	909059M	VS11GRUN0PG	600x87x202	E11	3.2	225	160	1.8
V-E11-600x65x202-10/00	909060M	VS11GRUN0PG	600x65x202	E11	3.2	225	130	1.8
V-E11-600x87x303-10/00	909061M	VS11GRUN0PG	600x87x303	E11	5	340	170	2
V-E11-400x87x303-10/00	909062M	VS11GRUN0PG	400x87x303	E11	2.2	150	160	2
V-H13-600x87x202-10/00	909063M	VS13GRUN0PG	600x87x202	H13	3.2	225	200	1.8
V-H13-600x65x202-10/00	909064M	VS13GRUN0PG	600x65x202	H13	3.2	225	170	1.8
V-H13-600x87x303-10/00	909065M	VS13GRUN0PG	600x87x303	H13	5	340	210	2

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316

Vật liệu lọc: Chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C)

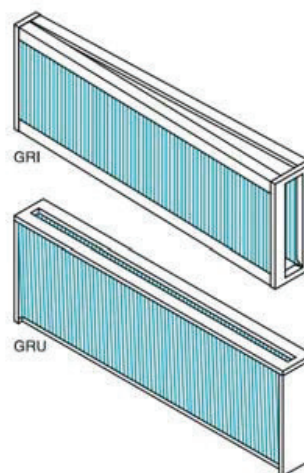
Mặt gió vào: Cửa vào dài, Tùy chỉnh

Lưới bảo vệ: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, chịu nhiệt cao

Vị trí gioăng: Không, Mặt gió ra

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.



MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT